

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 -7-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn, yêu cầu thanh toán nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Giang;

2. Ông Vi Văn Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, yêu cầu thanh toán nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị M, sinh năm 1994; đăng ký thường trú tại: Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn N, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội – người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Việt Q, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/5/2025 và các lời khai sau đó nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Hà Văn N có được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian 01 (một) năm và tự nguyện kết hôn; được gia

đình anh Hà Văn N tổ chức hôn lễ theo phong tục, còn gia đình chị không tổ chức hôn lễ vì không đồng ý cho chị kết hôn với anh Hà Văn N. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/5/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018-2019 thì hay cãi nhau vì sau khi sinh con đầu lòng, kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh Hà Văn N không lo làm ăn. Đến khi con thứ hai là cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 ra đời và không may mắc bệnh thiếu máu huyết tán, thường xuyên phải đi bệnh viện điều trị thì anh Hà Văn N càng mắng chửi chị nhiều hơn, không quan tâm, mặc kệ chị tự chăm sóc cho cả hai con chung. Từ tháng 7/2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân, chị cùng hai con chung sống ở nhà mẹ đẻ tại Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn; còn anh Hà Văn N bỏ về Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn sống. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, anh Hà Văn N không hỏi thăm hay đón chị về mà nhiều lần giục chị làm đơn ly hôn. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn N.

Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021, hiện đang sống với chị Triệu Thị M. Chị Triệu Thị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 đến khi con đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con vì từ khi vợ chồng ly thân, anh Hà Văn N không chu cấp gì, nay anh Hà Văn N lại mắc bệnh gan nên càng khó cấp dưỡng cho con. Chị làm nông nghiệp cùng gia đình, có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở tại nhà mẹ đẻ là bà **Triệu Thị Múi**, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Chị đảm bảo mình đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho các con chung.

Chị Triệu Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Thời gian chung sống, anh Hà Văn N có vay ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng 3,5ha rừng thông ở Thôn S, xã X; chị không đồng ý cùng anh Hà Văn N trả nợ vì chị không được sử dụng số tiền vay này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hà Văn N trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị Triệu Thị M trình bày là đúng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống ở nhà tạm (chòi nhỏ để trồng rừng) ở Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Đến khoảng tháng 6/2024, vợ chồng xảy ra cãi nhau thì chị Triệu Thị M mang theo cả 02 (hai) con về nhà mẹ đẻ ở gần đó tại Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, còn anh Hà Văn N bỏ về nhà ở Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 7/2024 đến nay, vợ chồng không sống cùng nhau nhưng thì thoảng chị Triệu Thị M vẫn đưa các con về chơi. Khoảng đầu tháng 5/2025, anh và chị Triệu Thị M có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tài sản. Theo anh, chị Triệu Thị M yêu cầu ly hôn là do bức tức việc không thống nhất về tài sản, kinh tế gia đình còn khó khăn. Anh cũng nhiều lần liên lạc, mong hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị Triệu Thị M nhưng không được. Nay, chị Triệu Thị M cương quyết

ly hôn thì anh Hà Văn N cũng đồng ý ly hôn. Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021, hiện đang sống với chị Triệu Thị M. Thời gian ly thân, do kinh tế khó khăn nên anh Hà Văn N không chu cấp nuôi con được. Nay, anh nhất trí cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh và chị Triệu Thị M không ai phải cấp dưỡng nuôi con do mỗi người đã trực tiếp nuôi 01 (một) con chung. Anh Hà Văn N làm nông nghiệp, cùng gia đình trồng cây thông, bạch đàn, có thu nhập khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở là nhà riêng, địa chỉ: Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay, anh Hà Văn N đang điều trị bệnh gan tại nhà, tuy sức khoẻ chưa hồi phục hoàn toàn nhưng bệnh tình đã có nhiều tiến triển, anh đảm bảo mình đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là khoảng 1.600 cây bạch đàn trồng năm 2021, 01 nhà tạm (chòi để trồng rừng) tại Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn (cây và nhà do vợ chồng tạo lập, còn quyền sử dụng đất là của gia đình chị Triệu Thị M); khoảng 500 cây thông trồng năm 2021 và 01 nhà cấp IV diện tích khoảng 40m² tại Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn (cây do vợ chồng trồng, nhà được tặng theo chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát có giá trị khoảng 110.000.000 đồng, còn quyền sử dụng đất là của gia đình anh); vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ năm 2021, thời hạn trả nợ là 120 tháng để trồng 02 đồi rừng thông ở Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn nhưng đã bị cháy 01 đồi thông, hiện chỉ còn 01 đồi thông (khoảng 500 cây nói trên). Nay, anh đã trả nợ được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hiện còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Anh Hà Văn N yêu cầu vợ chồng mỗi người trả ½ khoản nợ chung trên là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình.

Tại bản tự khai, cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 trình bày nguyện vọng được sống cùng với chị Triệu Thị M đến khi đủ 18 tuổi.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Việt Q - chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình trình bày: Ngày 28/4/2021, hộ gia đình ông Hà Văn N được Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình duyệt cho vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng 3,5ha rừng thông theo chương trình cho vay hộ nghèo với lãi suất 6,6% (lãi suất quá hạn là 8,58%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/4/2031. Hiện nay, khoản vay này đang đứng tên người vay vốn là ông Hà Văn N với dư nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngân hàng Chính sách xã hội chưa có yêu cầu xem xét giải quyết món vay trên vì chưa đến hạn trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Triệu Thị M và người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/5/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Chị Triệu Thị M yêu cầu ly hôn, anh Hà Văn N đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Hà Văn N. Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N có 02 con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021, đang sống cùng chị Triệu Thị M. Cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Triệu Thị M đến khi đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N cùng có ý kiến thống nhất giao con chung là cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời, anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi các con chung sinh ra đến nay và thời gian vợ chồng sống ly thân các con chung đều do chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 có nguyện vọng được sống cùng chị Triệu Thị M. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, không xáo trộn hoàn cảnh sinh sống, học tập của các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành; anh Hà Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Triệu Thị M không yêu cầu. Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Chị Triệu Thị M trình bày không có nợ chung vì khoản nợ ngân hàng Chính sách xã hội đứng tên người vay là anh Hà Văn N, được anh Hà Văn N sử dụng để trồng rừng trên khu đất của gia đình anh Hà Văn N, chị không có quyền sở hữu tài sản là rừng thông này nên cũng không có nghĩa vụ trả nợ; anh Hà Văn N trình bày anh có vay ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng rừng ở xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu chị Triệu Thị M có nghĩa vụ cùng anh trả nợ mỗi người số tiền 50.000.000

đồng (năm mươi triệu đồng). Đối với ý kiến của anh Hà Văn N Tòa án đã tiến hành ra thông báo yêu cầu anh Hà Văn N cung cấp tài liệu chứng cứ và thực hiện các thủ tục liên quan đến yêu cầu trả nợ nhưng anh Hà Văn N không thực hiện các nghĩa vụ trên; đồng thời người đại diện của Ngân hàng chính sách xã hội chưa có yêu cầu độc lập để giải quyết món vay trên vì chưa đến hạn trả nợ, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị M và người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, yêu cầu thanh toán nợ chung" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn N cư trú tại Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/5/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị Triệu Thị M yêu cầu ly hôn, anh Hà Văn N đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N có 02 con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021, đang sống cùng chị Triệu Thị M. Cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Triệu Thị M đến khi đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N cùng có ý kiến thống nhất giao con chung là cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành; đồng thời anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, cả chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N

đều có chỗ ở, có công việc, có thu nhập nên có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên từ khi các cháu sinh ra và trong thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay, các con chung đều do chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu sinh sống và học tập ổn định tại Thôn K, xã X, tỉnh Lạng Sơn; cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 có nguyện vọng được sống cùng chị Triệu Thị M. Đối với anh Hà Văn N do điều kiện kinh tế nên không chu cấp nuôi con được trong thời gian vợ chồng ly thân; hiện nay, anh Hà Văn N mắc bệnh về gan, đang điều trị tại nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ em, cần thiết giao con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành; anh Hà Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Triệu Thị M không yêu cầu. Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị M và anh Hà Văn N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Triệu Thị M trình bày không có nợ chung vì khoản nợ ngân hàng Chính sách xã hội đứng tên người vay là anh Hà Văn N, được anh Hà Văn N sử dụng để trồng rừng thông trên khu đất của gia đình anh Hà Văn N, chị không có quyền sở hữu tài sản là rừng thông này nên cũng không có nghĩa vụ trả nợ. Anh Hà Văn N trình bày anh có vay ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng rừng thông ở xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu chị Triệu Thị M có nghĩa vụ cùng anh trả nợ mỗi người số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Đối với ý kiến của anh Hà Văn N, Tòa án đã tiến hành ra thông báo yêu cầu anh Hà Văn N cung cấp tài liệu chứng cứ và các thủ tục liên quan đến yêu cầu trả nợ nhưng anh Hà Văn N không thực hiện các nghĩa vụ trên; đồng thời người đại diện của Ngân hàng chính sách xã hội chưa có yêu cầu xem xét giải quyết món vay trên vì chưa đến hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ thanh toán nợ có thể khởi kiện trong vụ án khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Hà Văn N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 18/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 24/10/2015 và cháu Hà Duy H2, sinh ngày 03/5/2021 cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Triệu Thị M không yêu cầu.

Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M được miễn toàn bộ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5- Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang